TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỜ ĐỎ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/HS-ST
Ngày: 08-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ - TP. CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Trung Hậu
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Thọ
Bà Lê Thị Xuân Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Điêu Khắc Khanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà: Bà Mạc Thị Thư – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 11 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn N, sinh năm 1976 tại quận T, thành phố Cần Thơ; Nơi cư trú: Khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở: Như trên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá (học vấn): 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn Lù A (C) và bà Nguyễn Thị S (C); Anh chị em có 03 người; Vợ: Nguyễn Thị Tuyết N1, sinh năm 2000;

Tiền án: Không; Tiền sự: 03 lần, cụ thể như sau: Ngày 21/02/2012 bị Công an phường T, quận T, thành phố Cần Thơ xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Chưa nộp phạt; Ngày 10/8/2018 bị Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiên bắt buộc 24 tháng, chấp hành xong ngày 02/02/2021; Ngày 25/11/2022 bị Công an phường T, quận T, thành phố Cần Thơ xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Chưa nộp phạt.

Bị cáo đang bị bắt, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận T, thành phố Cần Thơ từ ngày 14/4/2023 cho đến nay (trong vụ án khác).

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Phạm Hoàng P, sinh ngày 01/8/1998 tại quận T, thành phố Cần Thơ; Nơi cư trú: Khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở: Như trên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá (học vấn): 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Thanh N2 (S) và bà Nguyễn Thị Mỹ C (S); Anh chị em có 02 người chị; Vợ: Lê Thị Diễm H, sinh năm 1993; Con: Phạm Minh K, sinh năm 2021.

Tiền án: Không; Tiền sự: 01 lần, cụ thể như sau: Ngày 22/9/2021, bị Công an quận T, thành phố Cần Thơ xử phạt vi phạm hành chính 2.500.000 đồng về hành vi xâm phạm sức khỏe người khác. Chưa nộp phạt

Bị cáo đang bị bắt, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận T, thành phố Cần Thơ từ ngày 14/4/2023 cho đến nay (trong vụ án khác).

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Nguyễn Văn S1, sinh ngày 10/9/1976 tại quận T, thành phố Cần Thơ; Nơi cư trú: Khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở: Như trên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá (học vấn): 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn N3 (C) và bà Lý Thị Đ (C); Chị em có 02 người; Vợ: Trần Thị Kim N4, sinh năm 1979; Con có hai người, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (trong vụ án khác tại quận T, thành phố Cần Thơ).

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Em Trịnh Duy T, sinh ngày 28/3/2011. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. *Xin xét xử vắng mặt*

Người giám hộ cho Trịnh Duy T: Bà Hồ Thị Tuyết N5, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. *Có mặt*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Bà Huỳnh Thanh K1, sinh năm 1987 – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm T1, thành phố Cần Thơ. *Có mặt*

Người làm chứng:

- Em Lâm Thị Diệu A1, sinh ngày 10/6/2012. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. *Vắng mặt*

Người giám hộ cho Lâm Thị Diệu A1: Bà Huỳnh Thị X, sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 11/4/2023 Nguyễn Văn N rủ Phạm Hoàng P đi tìm tài sản lấy trộm, P đồng ý. N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 67L4 - 2035 chở P chạy trên tuyến lộ nông thôn từ hướng quận T, thành phố Cần Thơ đi về

hướng xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. Khi đến đoạn đường thuộc ấp T, xã T, huyện C, phát hiện Trịnh Duy T - sinh ngày 28/3/2011 chạy xe đạp bán vé số nên N rủ P giật vé số của T thì P đồng ý, N điều khiển xe dừng lại, P mua vé số của T, P đưa cho T 20.000 đồng và kêu T đưa hết vé số cho P chọn, khi T đưa vé số cho P thì N tăng ga bỏ chạy. Sau khi giật được vé số Nam kiểm tra được 150 tờ vé số của đài Bạc Liêu và Bến Tre, rồi N gặp Nguyễn Văn S1 nói mới cướp giật được vé số tại xã T bán cho S1, S1 mua 150 tờ với giá 1.050.000 đồng, N và P chia nhau xài. Sau khi mua vé số của N thì S1 đem bán lại cho nhiều người được 1.437.000 đồng. S1 thu lợi 387.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 04/KL-HDĐGTS ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của huyện C kết luận: 192 tờ vé số dài Bạc Liêu và Bến Tre, có giá trị 1.920.000 đồng.

Đối với xe mô tô biển số 67L4 - 2035 đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận T, thành phố Cần Thơ thu giữ do Nguyễn Văn N và Phạm Hoàng P sử dụng xe này cướp giật vé số tại quận T.

Trịnh Duy T cho rằng bị N và P1 cướp giật 192 tờ vé số, nên yêu cầu Nguyễn Văn N và Phạm Hoàng P bồi thường 1.900.000 đồng. N và P đồng ý nhưng chưa bồi thường.

Tại Cáo trạng số 40/CT-VKSCĐ ngày 17/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Nam, Phạm Hoàng P về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d, g khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự và bị cáo Nguyễn Văn S1 về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

***Tại phiên toà sơ thẩm hôm nay*:**

Bị cáo Nguyễn Văn N, Phạm Hoàng P *và* Nguyễn Văn S1 thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu, thừa nhận hành vi vi phạm pháp luật hình sự, mong được sự khoan hồng của pháp luật, bị cáo hứa sẽ không tái phạm. Về trách nhiệm dân sự bị cáo N, bị cáo P đồng ý liên đới bồi thường số tiền 1.900.000 đồng cho bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ trình bày quan điểm tranh luận: Vẫn giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố về tội danh và điều khoản áp dụng. Hành vi của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây mất trật tự địa phương. Vì vậy, cần được xử lý bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Đồng thời phân tích các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Điểm d, g khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn N, Phạm Hoàng P. Đề nghị xử phạt bị cáo N, bị cáo P mức án từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm 06 tháng tù giam;

- Khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 đối với bị cáo Nguyễn Văn S1. Đề nghị xử phạt bị cáo S1 mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù giam.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt đối với Bản án số 72/2023/HS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt đối với các bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trịnh Duy T yêu cầu bị cáo N, P liên đới bồi thường 1.900.000 đồng. Bị cáo N, và P đồng ý bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Buộc bị cáo Nguyễn Văn S1 nộp số tiền 387.000 đồng thu lợi bất chính vào Ngân sách Nhà nước.

Người giám hộ cho bị hại bà Hồ Thị Tuyết N5 *trình bày*, yêu cầu bị cáo N và P liên đới bồi thường số tiền 1.900.000 đồng cho bị hại. Bà yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại, bà Huỳnh Thanh K1 Trợ giúp viên pháp lý trình bày quan điểm, do bị cáo N, P đã đồng ý bồi thường cho bị hại Trịnh Duy T số tiền 1.900.000 đồng theo đúng yêu cầu của bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo N, bị cáo Phú mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo biết lỗi và sẽ khắc phục số tiền bồi thường cho bị hại. Bị cáo S1 mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn N, Phạm Hoàng P và Nguyễn Văn S1: Lời khai của các bị cáo tại phiên toà sơ thẩm hôm nay phù hợp với các biên bản ghi lời khai và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 11/4/2023, bị cáo N rủ bị cáo P đi tìm tài sản lấy trộm. Bị cáo N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 67L4 - 2035 chở P chạy trên tuyến lộ nông thôn từ hướng quận T, thành phố Cần Thơ đi về hướng xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. Khi đến đoạn đường thuộc ấp T, xã T, huyện C, phát hiện bị hại Trịnh Duy T chạy xe đạp bán vé số nên N rủ P giật vé số của T thì P đồng ý, bị cáo N điều khiển xe dừng lại, bị cáo P mua vé số của T, P đưa cho T 20.000 đồng và kêu T đưa hết vé số cho P chọn, khi T đưa vé số cho P thì N tăng ga bỏ chạy. Sau khi giật được vé số Nam kiểm tra được 150 tờ vé số thì N gặp bị cáo Nguyễn Văn S1 nói mới cướp giật được vé số tại xã T bán cho S1, S1 mua 150 tờ với giá 1.050.000 đồng, bị cáo N và P chia nhau xài. Sau khi mua vé số của N thì S1 đem bán lại cho nhiều người.

Hành vi của bị cáo N, bị cáo P đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản" theo Điều 171 Bộ luật hình sự. Do bị cáo N, P sử dụng phương tiện xe mô tô thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm. Mặt khác, bị cáo N, P thực hiện hành vi vi phạm đối với bị hại là Trịnh Duy T (sinh ngày 28/3/2011) khi bị hại dưới 16 tuổi nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ truy tố bị cáo N, P theo tình tiết định khung tại điểm d, g khoản 2 Bộ luật hình sự là phù hợp. Đối với bị cáo Nguyễn Văn S1, không hứa hẹn trước, bị cáo biết rõ 150 tờ vé số do bị cáo N do cướp giật mà có được nhưng bị cáo lại đồng ý mua với giá 1.050.000 đồng và bán lại cho các những người khác để thu lợi bất chính. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Văn S1 về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội các bị cáo: Các bị cáo đều có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có đầy đủ năng lực để nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, an ninh tại địa phương. Về nhận thức, các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam nên bị cáo bất chấp sự trừng trị của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, để có tác dụng giáo dục các bị cáo đồng thời đấu tranh phòng chống tội phạm chung, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện để có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá vai trò, mức độ phạm tội và nhân thân của từng bị cáo để quyết định hình phạt cho phù hợp.

Trọng vụ án này, bị cáo N thực hiện với vai trò chủ mưu rủ rê bị cáo Phú giật vé số của bị hại. Bị cáo P giúp sức cho bị cáo N. Hai bị cáo N và P không tuy không có bàn tính trước nhưng khi thấy bị hại chạy xe đạp bán vé số thì nảy sinh ý định cướp giật. Hành vi của bị cáo N và P thực hiện là rất táo bạo với việc sử dụng xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ để cướp giật tài sản. Bên cạnh đó, bị hại là người chưa thành niên vì hoàn cảnh khó khăn phải đi bán vé số nhưng hai bị cáo N và P lại có hành vi cướp giật vé số, hành vi đó có khả năng xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của bị hại. Bị cáo Nguyễn Văn S1 biết rõ tài sản do cưới giật mà có nhưng vẫn mua bán lại cho người khác để thu nhập bất chính. Chính vì những hành vi như đã phân tích nên Hội đồng xét xử thiết nghĩ cần cách ly bị cáo N, bị cáo P và bị cáo S1 ra khỏi đời sống xã hội để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo N có 03 tiền sự chưa được xóa; bị cáo P có 01 tiền sự chưa được xóa; bị cáo S1 có 01 tiền án nhưng đã được xóa án tích. Ngoài ra, các bị cáo đã bị xét xử cũng hành vi cướp giật vé số và tiêu thụ tài sản do cướp giật mà có xảy ra tại quận T, thành phố Cần Thơ theo Bản án số 72/2023/HS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ (bản án đã có hiệu lực pháp luật). Từ đó cho thấy các bị cáo đã từng bị cơ quan chức năng xử lý nhưng các bị cáo lại xem thường pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa cả ba bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra tại phiên tòa, người giám hộ cho bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trịnh Duy T yêu cầu bị cáo N, bị cáo P liên đới bồi thường số tiền 1.900.000 đồng, tại phiên tòa hai bị cáo đồng ý nên Hội đồng xét xử công nhận.

[6] Về xử lý vật chứng áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Buộc bị cáo bị cáo Nguyễn Văn S1 nộp số tiền 387.000 đồng vào Ngân sách Nhà nước. Đây là số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội mà có. Đối với xe mô tô biển kiểm soát 67L4-2035 do bị cáo P, bị cáo N dùng làm phương tiện cướp giật tài sản đã được xử lý tại Bản án số 72/2023/HS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn N, Phạm Hoàng P và Nguyễn Văn S1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Văn N, Phạm Hoàng P mỗi bị cáo phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điểm d, g khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 56 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn N và Phạm Hoàng P.

- Khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 56 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn S1.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn N, bị cáo Phạm Hoàng P phạm tội "Cướp giật tài sản"; bị cáo Nguyễn Văn S1 phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt với Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2023/HS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ (xử phạt 03 năm 06 tháng tù). Bị cáo N phải chấp hành hình phạt chung là 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/4/2023.

- Xử phạt: Bị cáo Phạm Hoàng P 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt với Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2023/HS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ (xử phạt 03 năm 06 tháng tù). Bị cáo P phải chấp hành hình phạt chung là 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/4/2023.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S1 09 (chín) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt với Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2023/HS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ (xử phạt 06 tháng tù). Bị cáo S1 phải chấp hành hình phạt chung là 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự 2015, bị cáo Nguyễn Văn N và bị cáo Phạm Hoàng P có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Trịnh Duy T số tiền 1.900.000 đồng (Một triệu chín trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 đến khi thi hành án xong.

3. Về xử lý vật chứng áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Buộc bị cáo bị cáo Nguyễn Văn S1 nộp số tiền 387.000 đồng vào Ngân sách Nhà nước. Công nhận việc xe mô tô biển kiểm soát 67L4-2035 do bị cáo P, bị cáo N dùng làm phương tiện cướp giật tài sản đã được xử lý tại Bản án số 72/2023/HS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, TP ..

4. Về án phí áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N, Phạm Hoàng P và Nguyễn Văn S1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Văn N, Phạm Hoàng P mỗi bị cáo phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo, bị hại, người giám hộ cho bị hại được quyền kháng cáo để xin Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Võ Trung Hậu

Nơi nhận:
- TAND TP.Cần Thơ;
- Viện kiểm sát ND TP. Cần Thơ;
- Viện kiểm sát ND H. Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS H. Cờ Đỏ;
- Công an huyện Cờ Đỏ;
- Phòng HS nghiệp vụ Công an TPCT;
- Bị cáo, Bị hại, Người giám hộ bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.